



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SỬA ĐỔI 01:2021 QCVN 06:2020/BXD

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH**

*National technical regulation on
Fire Safety of Buildings and Constructions*

DỰ THẢO

HÀ NỘI – 2021

Lời nói đầu

Sửa đổi 01:2021 QCVN 06:2020/BXD sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 06:2020/BXD.

Sửa đổi 01:2021 QCVN 06:2020/BXD do Viện Khoa học Công nghệ xây dựng biên soạn, Vụ Khoa học công nghệ và môi trường trình duyệt, Bộ Xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BXD ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH

National technical regulation on Fire Safety of Buildings and Constructions

Amendment 01:2021 QCVN 06:2020/BXD

1. Sửa đổi “2.6.4” thành “2.6.5” trong Điều 1.1.8 như sau:

“1.1.8 Nhà hoặc công trình xây dựng dùng cho việc sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc nhóm F5.1 và F5.2 như quy định trong 2.6.5 có không quá 1 tầng hầm (còn gọi là Nhà công nghiệp), bên cạnh việc đảm bảo các quy định đã nêu trong quy chuẩn này còn phải tuân thủ các quy định bổ sung về an toàn cháy nêu trong A1 của Phụ lục A.”

2. Thay thế Điều 1.1.9 như sau:

“1.1.9 Các nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.2, F4.3 và nhà hỗn hợp có chiều cao PCCC từ trên 50 m đến 150 m (có không quá 3 tầng hầm¹), các nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.3 có chiều cao PCCC từ trên 75 m đến 150 m (có không quá 3 tầng hầm) bên cạnh việc đảm bảo những quy định trong quy chuẩn này, còn phải tuân thủ các quy định bổ sung về an toàn cháy tương ứng nêu trong A.2 và A.3 của Phụ lục A.”

CHÚ THÍCH ¹) Bệnh viện, trường mầm non và trường phổ thông chỉ cho phép bố trí các công năng chính từ tầng 1 (hoặc tầng hầm 1) trở lên.”

3. Thay thế Điều 1.4.8 như sau:

“1.4.8

Chiều cao phòng cháy chữa cháy (Chiều cao PCCC)

Chiều cao phòng cháy chữa cháy (chiều cao PCCC) của nhà được xác định bằng khoảng cách từ mặt đường thấp nhất cho xe chữa cháy tiếp cận tới mép dưới của lỗ cửa (cửa sổ) mở trên tường ngoài của tầng trên cùng, không kể tầng kỹ thuật trên cùng. Khi không có lỗ cửa (cửa sổ), thì chiều cao PCCC được xác định bằng một nửa tổng khoảng cách tính từ mặt đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến mặt sàn và đến trần của tầng trên cùng. Trong trường hợp mái nhà được khai thác sử dụng thì chiều cao PCCC của nhà được xác định bằng khoảng cách lớn nhất từ mặt đường cho xe chữa cháy tiếp cận đến mép trên của tường chắn mái”

4. Sửa đổi “chiều cao” thành “chiều cao PCCC” trong Điều 1.1.10, Điều 1.1.40, Điều 3.2.6, Điều 3.2.11, Điều 3.4.7, Điều 3.4.8, Điều 3.4.11, Điều 3.4.12, Điều 3.4.13, Điều 4.2, Điều 4.27, Điều 6.2.1 b), Điều 6.2.2.1, Điều 6.2.2.2, Điều 6.2.2.3, Điều 6.2.2.4, Điều 6.3.5.4, Điều 6.13, Điều A.1.3.3, Điều A.2.20, Điều D.2 a), Điều H.1.1, Điều H.1.2, Bảng 12, Bảng H.1, Bảng H.2, Bảng H.4, tiêu đề của Điều A.2 và tiêu đề của Phụ lục H.

5. Sửa đổi “chiều cao nhà” thành “chiều cao PCCC của nhà” trong Điều 3.4.8, Điều 4.17, Điều 6.2.2.5, Điều 6.14, Điều G.2.2 a), Điều H.4.1, Điều H.4.2, Bảng 14 và Bảng H.7.

6. Sửa đổi “cao” thành “có chiều cao PCCC” trong Điều 3.4.16, Điều 6.7; và Tiêu đề cột của Bảng A.1.

7. Sửa đổi “chiều cao bố trí” thành “chiều cao PCCC” trong Điều 3.2.5.

8. Sửa đổi “độ cao” thành “chiều cao PCCC” trong Điều A.2.3, Điều A.2.4, Điều A.2.5 và Điều A.2.8.

9. Sửa đổi “hờ” thành “bên” và “có các lỗ” thành “ở một phía” trong Điều 1.4.15 như sau:

“1.4.15

Hành lang bên

Hành lang ở một phía có thông gió với bên ngoài, không bị chắn liên tục theo chiều dài, với chiều cao thông thủy tính từ đỉnh của tường chắn ở mép hành lang lên phía trên không nhỏ hơn 1,2 m.”

10. Bổ sung CHÚ THÍCH của Điều 1.4.25 như sau:

“CHÚ THÍCH: Nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp được thiết kế, xây dựng để sử dụng vào mục đích ở và các mục đích khác như làm văn phòng, dịch vụ, thương mại...”

11. Thay thế CHÚ THÍCH của Điều 1.4.26 như sau:

“CHÚ THÍCH: Một nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng chính xác định, nhưng có tổng diện tích sàn dùng cho các công năng phụ trợ khác không lớn hơn 10 % tổng diện tích sàn của nhà đó thì không coi là nhà hỗn hợp”

12. Sửa đổi “đổ” thành “đó” trong CHÚ THÍCH của Điều 1.4.39 như sau:

“CHÚ THÍCH: Khi xem xét các yêu cầu về an toàn cháy đối với nhà có cao độ mặt đất xung quanh khác nhau, không xác định tầng nằm dưới cao độ mặt đất theo quy hoạch được duyệt là tầng hầm nếu đường thoát nạn từ tầng đó không di chuyển theo hướng từ dưới lên trên.”

13. Bổ sung CHÚ THÍCH vào Điều 4.5 như sau:

“CHÚ THÍCH: Một số yêu cầu riêng đối với nhà nhóm F1.3 như sau:

- Tường và vách ngăn giữa các đơn nguyên; tường và vách ngăn giữa hành lang chung (bên ngoài căn hộ) với các phòng khác, phải có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn EI 60.

- Tường và vách ngăn không chịu lực giữa các căn hộ, phải có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn EI 40 và cấp nguy hiểm cháy K0.

- Các phòng có chức năng công cộng phải được ngăn cách với các phòng ở bằng các vách ngăn cháy loại 1, các sàn ngăn cháy loại 3, còn trong các nhà có bậc chịu lửa I thì phải ngăn cách bằng sàn ngăn cháy loại 2.”

14. Bổ sung CHÚ THÍCH vào Điều 4.9 như sau:

“CHÚ THÍCH: Đối với nhà nhóm F1.3, lan can các lô gia và ban công từ tầng 3 trở lên phải làm từ vật liệu không cháy.”

15. Sửa đổi tên Bảng 9 và Bảng 10 như sau:

“Bảng 9 - Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà cho nhà nhóm F5
có chiều rộng đến 60 m”

“Bảng 10 - Lưu lượng nước cho chữa cháy ngoài nhà cho nhà nhóm F5
có chiều rộng trên 60 m”

16. Thay thế Điều 5.1.3.2 như sau:

“5.1.3.2 Khi kết hợp đường ống chữa cháy của khu dân cư và cơ sở công nghiệp nằm ngoài khu dân cư thì số đám cháy tính toán đồng thời tính như sau:

- Khi diện tích của cơ sở công nghiệp đến 150 ha và dân số của khu dân cư đến 10 000 người, lấy là 1 đám cháy (lấy lưu lượng nước theo bên lớn hơn); tương tự với số dân từ 10 000 đến 25 000 người lấy là 2 đám cháy (1 đám cháy cho cơ sở công nghiệp và 1 đám cháy cho khu dân cư).

- Khi diện tích khu vực cơ sở công nghiệp trên 150 ha và số dân đến 25 000 người, lấy là 2 đám cháy (2 đám cháy tính cho khu vực cơ sở công nghiệp hoặc 2 đám cháy tính cho khu dân cư, lấy theo lưu lượng nước yêu cầu của bên lớn hơn).

- Khi số dân trong khu dân cư lớn hơn 25 000 người, lấy là 2 đám cháy, trong đó lưu lượng nước của 1 đám cháy được xác định bằng tổng của lưu lượng yêu cầu lớn hơn (tính cho khu vực cơ sở công nghiệp hoặc khu dân cư) và 50 % lưu lượng yêu cầu nhỏ hơn (tính cho cơ sở công nghiệp hoặc khu dân cư).”

17. Bổ sung “(không áp dụng đối với bồn, bể dành cho cấp nước ngoài nhà của công trình riêng lẻ)” vào Điều 5.1.5.6 như sau:

“5.1.5.6 Tổng số bồn, bể cho chữa cháy trong một mạng ống phải không nhỏ hơn 2 (không áp dụng đối với bồn, bể dành cho cấp nước ngoài nhà của công trình riêng lẻ).

Giữa các bồn, bể

Khi ngắt một bồn, bể ...”

18. Sửa đổi “Đến 10 tầng và khối tích từ 5 000 m³ đến 25 000 m³” thành “Đến 10 tầng và khối tích đến 25 000 m³” tại gạch đầu dòng thứ nhất của mục 4 trong Bảng 11 như sau:

“- Đến 10 tầng và khối tích đến 25 000 m³”

19. Thay thế Điều 5.2.2 như sau:

“5.2.2 Để tính toán công suất máy bơm và lượng nước dự trữ cho chữa cháy, số tia phun nước và lưu lượng nước cho chữa cháy trong nhà công cộng có chiều cao PCCC trên 50 m

phải lấy tương ứng là 4 tia, mỗi tia 2,5 l/s, đối với nhà nhóm F5 hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C cao trên 50 m lấy tương ứng là 4 tia, mỗi tia 5 l/s.”

20. Thay thế Điều 5.2.7 như sau:

“5.2.7 Áp suất tự do của họng nước chữa cháy phải bảo đảm cho chiều cao của tia nước đặc cần thiết để chữa cháy vào mọi thời điểm trong ngày đối với khu vực cao nhất và xa nhất. Chiều cao tối thiểu và bán kính hoạt động của tia nước đặc chữa cháy phải bằng chiều cao của khu vực, tính từ sàn đến điểm cao nhất của xà (trần), nhưng không nhỏ hơn các giá trị sau:

- Đối với nhà ở, nhà công cộng, nhà sản xuất và nhà phụ trợ của công trình công nghiệp có chiều cao PCCC đến 50 m không nhỏ hơn 6 m.
- Đối với nhà ở có chiều cao PCCC trên 50 m không nhỏ hơn 8 m.
- Đối với nhà công cộng, nhà sản xuất và nhà phụ trợ của công trình công nghiệp có chiều cao PCCC trên 50 m không nhỏ hơn 16 m.

CHÚ THÍCH 1: Áp suất của họng nước chữa cháy phải được tính toán tổn thất của cuộn vòi chữa cháy dài 10, 15 và 20 m.

CHÚ THÍCH 2: Để nhận tia nước đặc lưu lượng đến 4 l/s thì sử dụng họng nước chữa cháy DN 50, đối với lưu lượng lớn hơn phải sử dụng họng DN 65. Khi luận chứng kinh tế - kỹ thuật cho phép thì được dùng họng nước chữa cháy DN 50 cho lưu lượng trên 4 l/s.”

21. Sửa đổi “10 m” thành “15 m” và sửa “chiều cao” thành “chiều cao PCCC” trong Điều 6.3.5.3 như sau:

“Đối với nhà thuộc nhóm F1.1, F1.2, F2, F3 và F4 có chiều cao PCCC từ trên 15 m đến 50 m, phải có lối vào từ trên cao ở tất cả các tầng trừ tầng 1 và phải nằm đối diện với bãi đỗ xe chữa cháy.”

22. Sửa đổi “nhà chung cư” thành “nhà và công trình” trong Điều 8.1 như sau:

“8.1 Mọi tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động liên quan đến công tác xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa hay thay đổi công năng của nhà và công trình bao gồm lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, quản lý và công tác xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn địa phương liên quan đến an toàn cháy cho nhà và công trình phải tuân thủ các quy định của quy chuẩn này.”

23. Sửa đổi “12 m” thành “15 m” trong Điều A.2.19 như sau:

“A.2.19 Khi cửa ra vào của các căn hộ hoặc gian phòng bố trí trên hành lang cụt thì khoảng cách từ cửa đó đến lối ra thoát nạn gần nhất không được vượt quá 15 m. Khi cửa được bố trí ở giữa các buồng thang bộ không nhiễm khói thì khoảng cách này không được vượt quá 20 m.”

24. Thay thế Điều A.2.20 như sau:

“A.2.20 Nhà có chiều cao PCCC trên 100 m phải bố trí tầng lánh nạn, gian lánh nạn đảm bảo các yêu cầu theo A.3.2.”

25. Sửa đổi “tấm treo)” thành “panel)^(a)” trong mục 4 của Bảng A.1 như sau:

“Tường ngoài không chịu lực (làm bằng các panel)^(a)”

26. Bổ sung “^(a) Trường hợp sử dụng vách kính bao che trong nhà cao tầng thì thực hiện theo các tài liệu chuẩn quy định cho loại hình kết cấu này” vào CHÚ THÍCH của Bảng A.1 như sau:

“^(a) Trường hợp sử dụng vách kính bao che trong nhà cao tầng thì thực hiện theo các tài liệu chuẩn quy định cho loại hình kết cấu này”

27. Sửa đổi “Việc đấu nối dây điện” thành “Dây điện và cáp điện” và sửa “có lớp khoáng cách điện, có giới hạn chịu lửa không thấp hơn 120 min” thành “(dây điện và cáp điện có lớp khoáng hoặc dây điện và cáp điện khác có giới hạn chịu lửa không thấp hơn 120 min)” trong Điều A.2.28.8 như sau:

“A.2.28.8 Dây điện và cáp điện từ thiết bị phân phối đầu vào đến các hệ thống bảo vệ chống cháy (thiết bị điện của hệ thống chữa cháy, báo cháy, hút xả khói, chiếu sáng thoát nạn hoặc các thiết bị tương tự) phải là loại có khả năng chịu lửa (dây điện và cáp điện có lớp khoáng hoặc dây điện và cáp điện khác có giới hạn chịu lửa không thấp hơn 120 min)”

28. Sửa đổi “Các ống dẫn khí và các đường ống” thành “Cho phép cấu tạo các ống dẫn không khí và đoạn ống góp” trong Điều A.2.29.5 như sau:

“A.2.29.5 Cho phép cấu tạo các ống dẫn không khí và đoạn ống góp của mọi hệ thống, nằm trong phạm vi khoang cháy mà chúng phục vụ, theo những quy định sau:

...”

29. Sửa đổi “khí” thành “không khí”, sửa “các đường ống” thành “đoạn ống góp” và bổ sung “với giới hạn chịu lửa của sàn là REI 180” trong Điều A.2.29.6 như sau:

“A.2.29.6 Khi bố trí các ống dẫn không khí và đoạn ống góp của mọi hệ thống phục vụ cho nhiều khoang cháy khác nhau trong các kênh hoặc giếng chung thì kết cấu bao quanh của kênh hoặc giếng đó phải có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 180 và cấu tạo của các đường ống đó phải đảm bảo các quy định sau:

a) Có giới hạn chịu lửa ...

b) Có giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI 60 khi đường ống nằm bên ngoài khoang cháy mà nó phục vụ và có lắp đặt các van ngăn cháy tại các vị trí mà đường ống xuyên qua các sàn ngăn cháy nằm ở biên các khoang cháy, với giới hạn chịu lửa của sàn là REI 180.”

30. Bổ sung Điều A.3 vào Phụ lục A như sau:

"A.3 Các quy định đối với nhà thuộc nhóm nguy hiểm cháy theo công năng F1.3 (nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở) có chiều cao PCCC từ 75 m đến 150 m.

A.3.1 Nhà có chiều cao PCCC từ 75 m đến 100 m

A.3.1.1 Bậc chịu lửa của nhà tối thiểu là bậc I, yêu cầu chịu lửa của kết cấu và bộ phận nhà lấy theo A.2.24, ngoại trừ các trường hợp được quy định tại A.3.1.10 và A.3.1.14.

A.3.1.2 Tòa nhà phải được phân chia thành các khoang cháy theo chiều cao, với chiều cao mỗi khoang không lớn hơn 50 m. Các khoang cháy phải được ngăn cách với nhau bằng một sàn ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tối thiểu REI 150 hoặc bằng một tầng kỹ thuật với kết cấu chịu lực theo phương ngang (sàn và trần) có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 90.

A.3.1.3 Diện tích cho phép lớn nhất của một tầng nhà trong phạm vi một khoang cháy không được lớn hơn 2 200 m².

A.3.1.4 Tại các vị trí giao nhau giữa sàn ngăn cháy và các bộ phận ngăn cháy với kết cấu bao che của nhà phải có giải pháp đảm bảo không để cháy lan truyền qua các bộ phận ngăn cháy.

A.3.1.5 Mỗi khoang cháy theo chiều cao phải có hệ thống bảo vệ chống cháy (cấp nước chữa cháy, thoát khói, chiếu sáng thoát nạn, báo cháy, chữa cháy tự động) hoạt động độc lập. Cho phép các khoang cháy sử dụng chung trạm bơm cấp nước, trạm bơm chữa cháy, quạt hút khói, tủ trung tâm báo cháy.

A.3.1.6 Phía trên lối ra từ các gara ở tầng một phải bố trí các mái đua bằng vật liệu không cháy có chiều rộng không nhỏ hơn 1,0 m và đảm bảo khoảng cách từ mái đua này tới cạnh dưới của các lỗ cửa sổ bên trên không nhỏ hơn 4,0 m.

A.3.1.7 Khoảng cách giới hạn cho phép từ cửa ra vào của căn hộ đến lối ra thoát nạn gần nhất (buồng thang bộ hoặc lối ra bên ngoài) phải tuân thủ A.2.19.

A.3.1.8 Chiều rộng thông thủy bản thang và chiều thang của các buồng thang bộ loại N1 tại phần ở của nhà phải không nhỏ hơn 1,20 m; buồng thang bộ loại N2 không nhỏ hơn 1,05 m với khoảng cách hở thông thủy giữa các bản thang không nhỏ hơn 100 mm.

A.3.1.9 Từ tất cả các buồng thang bộ không nhiễm khói phải có các bản thang dẫn lên mái qua các cửa ngăn cháy loại 2. Cửa căn hộ dẫn ra hành lang phải là cửa ngăn cháy loại 1.

A.3.1.10 Phần có chức năng khác của nhà (kể cả các phòng kỹ thuật, phòng phụ trợ phục vụ cho phần căn hộ) phải được ngăn cách với phần căn hộ của nhà bằng tường ngăn cháy đặc có giới hạn chịu lửa REI 150 và sàn ngăn cháy loại 1 đồng thời có các lối ra thoát nạn riêng.

A.3.1.11 Các giếng thang máy của phần căn hộ không được thông với phần còn lại của nhà. Các giếng của hệ thống kỹ thuật (kể cả đường ống rác) của phần căn hộ và phần còn lại của nhà phải riêng biệt.

A.3.1.12 Lớp cách nhiệt (nếu có) của tường ngoài nhà phải được làm bằng vật liệu không cháy. Cho phép sử dụng lớp cách nhiệt từ vật liệu có nhóm cháy Ch1 và Ch2 nếu nó được bảo vệ từ tất cả các phía bằng bê tông hoặc vữa trát có chiều dày không nhỏ hơn 50 mm. Tại các vị trí lắp khuôn cửa sổ và cửa đi trên tường ngoài chiều dày của lớp bê tông (vữa trát) này phải không nhỏ hơn 30 mm.

A.3.1.13 Các cụm cửa sổ và các mảng lắp kính của ban công và lôgia phải làm từ vật liệu không cháy hoặc cháy yếu (Ch1).

A.3.1.14 Các cửa ngăn cháy phải được bố trí phù hợp cho từng trường hợp như sau:

a) Cửa ngăn cháy trên tường và sàn ngăn cách các khoang cháy phải có giới hạn chịu lửa không thấp hơn EI 90.

b) Cửa ngăn cháy phải là loại 1 trong các trường hợp: cửa ở tường bên trong của buồng thang bộ không nhiễm khói và sảnh thang máy, cửa của căn hộ đi ra hành lang chung, cửa trên các kết cấu bao che phòng kỹ thuật, phòng chứa thiết bị hoặc vật liệu có nguy cơ cháy cao, giếng và khoang kỹ thuật.

c) Cửa ngăn cháy là loại 2 trong trường hợp: cửa từ khoang đệm đi vào buồng thang bộ không nhiễm khói, vào sảnh thang máy và vào phòng có ống đỡ rác.

d) Cửa của giếng thang máy (cửa tầng thang máy) đi vào sảnh thang máy phải là các cửa không lọt khói.

CHÚ THÍCH: Cửa tầng thang máy là cửa ra vào được thiết kế để lắp đặt trong giếng thang tại nơi đỡ để cho phép đi vào và ra khỏi ca bin.

A.3.1.15 Vật liệu hoàn thiện trần, tường, sàn trên các đường thoát nạn, trong sảnh thang máy, sảnh chung, tầng kỹ thuật phải là vật liệu không cháy.

A.3.1.16 Lớp cách âm của các phòng, cũng như cách nhiệt cho thiết bị và đường ống kỹ thuật phải làm từ vật liệu không cháy.

A.3.1.17 Các đường ống của hệ thống kỹ thuật (thoát nước, dẫn nước mưa, cấp nước nóng và lạnh, ống thu rác) được làm bằng vật liệu không cháy. Các đường ống cấp nước trong phạm vi một căn hộ (trừ trực đứng) được phép làm bằng vật liệu cháy nhóm Ch1 và Ch2.

CHÚ THÍCH: Trường hợp sử dụng ống UPVC hoặc các vật liệu cháy nhóm Ch1, Ch2 cho đường ống cấp, thoát nước thì các đường ống này ngoài việc đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng, phải được đặt trong hộp kỹ thuật và đảm bảo yêu cầu về ngăn chặn cháy lan.

A.3.1.18 Việc bảo vệ chống khói cho nhà, hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động thực hiện theo các quy định bổ sung dưới đây:

a) Tất cả các phòng không phải căn hộ (gara, phòng phụ trợ, phòng kỹ thuật, không gian công cộng, khoang chứa rác và các phòng có chức năng tương tự) và ống đỡ rác phải có đầu phun

sprinkler (trừ các gian phòng kỹ thuật điện, điện tử có yêu cầu bố trí hệ thống hoặc thiết bị dập lửa thể khí).

b) Bên trên các cửa vào căn hộ phải lắp các sprinkler nối với đường ống cấp nước chữa cháy thông qua rơ le dòng.

c) Hệ thống báo cháy tự động phải báo rõ địa chỉ của từng căn hộ. Trong các phòng của căn hộ và các hành lang tầng, kể cả sảnh thang máy phải lắp đặt đầu báo khói. Trong mỗi căn hộ phải trang bị hệ thống loa truyền thanh để hướng dẫn thoát nạn, đảm bảo mọi người trong căn hộ có thể nghe rõ thông báo, hướng dẫn khi có sự cố.

d) Cần trang bị hệ thống báo cháy, thiết bị, phương tiện chữa cháy tự động trong các kênh, giếng kỹ thuật điện, thông tin liên lạc và giếng kỹ thuật khác có nguy hiểm cháy.

e) Nguồn điện cấp cho hệ thống bảo vệ chống cháy gồm: thang máy phục vụ chuyên chở lực lượng, phương tiện chữa cháy; hệ thống bảo vệ chống khói; hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động; phải được lấy từ các tủ điện độc lập hoặc các bảng điện riêng với màu sơn khác nhau đi theo hai tuyến riêng biệt tới thiết bị phân phối của từng khoang cháy.

A.3.1.19 Các dây, cáp điện của nguồn điện cấp cho hệ thống phòng cháy chữa cháy trong phạm vi một khoang cháy phải được đặt trong các ống, hộp kim loại hoặc ống, hộp, giếng, kênh làm bằng vật liệu không cháy và có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 90 hoặc không nhỏ hơn REI 150 khi nằm bên ngoài khoang cháy.”

A.3.2 Nhà có chiều cao PCCC từ 100 m đến 150 m, ngoài việc tuân thủ các quy định tại A.3.1, cần phải bố trí tầng lánh nạn, gian lánh nạn đáp ứng những yêu cầu dưới đây:

Điểm a) dưới đây có hai phương án:

Phương án 1

a) Tầng lánh nạn cách nhau không quá 20 tầng. Khu vực bố trí gian lánh nạn, phải được ngăn cách với các khu vực khác bằng bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 150. Các khu vực khác ngoài khu vực bố trí gian lánh nạn có thể sử dụng cho các công năng công cộng. Không bố trí căn hộ hoặc một phần căn hộ trên tầng lánh nạn.

CHÚ THÍCH : Có thể sử dụng tầng kỹ thuật hoặc một phần tầng kỹ thuật làm khu vực lánh nạn khi đáp ứng các quy định tại khoản b), c), d), e), f) của Điều A.3.2.

Phương án 2

a) Tầng lánh nạn cách nhau không quá 20 tầng. Khu vực bố trí gian lánh nạn, phải được ngăn cách với các khu vực khác bằng bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa không nhỏ hơn REI 150. Các khu vực khác ngoài khu vực bố trí gian lánh nạn có thể sử dụng cho các công năng công cộng. Không bố trí căn hộ hoặc một phần căn hộ trên tầng lánh nạn. Trong một số trường hợp riêng biệt, việc bố trí các căn hộ trên tầng lánh nạn (ngoài khu vực bố trí gian lánh nạn) có thể được xem xét khi có luận chứng nêu các giải pháp đảm bảo an toàn bổ sung,

được chấp thuận bởi Cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có thẩm quyền.

CHÚ THÍCH : Có thể sử dụng tầng kỹ thuật hoặc một phần tầng kỹ thuật làm khu vực lánh nạn khi đáp ứng các quy định tại khoản b), c), d), e), f) của Điều A.3.2.

b) Gian lánh nạn phải có diện tích với định mức 0,3 m²/người, đảm bảo đủ chứa tổng số người thoát nạn lớn nhất của tất cả các tầng phía trên tính từ tầng có gian lánh nạn đến hết tầng có gian lánh nạn tiếp theo, hoặc các tầng phía trên còn lại đối với tầng lánh nạn trên cùng. Không cho phép sử dụng diện tích gian lánh nạn vào các hoạt động thương mại, nhưng có thể sử dụng làm sân/khu vực chơi cho trẻ em hoặc tập thể dục.

CHÚ THÍCH: Số lượng người thoát nạn lớn nhất từ các không gian khác nhau của nhà hoặc phần nhà được xác định theo G.3, Phụ lục G. Riêng đối với nhà hoặc phần nhà có nhóm nguy hiểm cháy theo công năng khác F1.3 thì áp dụng thêm quy định tại A.2.16.

c) Gian lánh nạn phải được thông gió tự nhiên qua các ô thông tường cố định bố trí trên hai tường ngoài (ô thông gió) đảm bảo các yêu cầu:

- Tổng diện tích các ô thông gió ít nhất phải bằng 25 % diện tích gian lánh nạn;
- Chiều cao nhỏ nhất của các ô thông gió (tính từ cạnh dưới đến cạnh trên) không được nhỏ hơn 1,2 m;
- Các ô thông gió cho gian lánh nạn phải được bố trí cách ít nhất 1,5 m theo phương ngang và 3,0 m theo phương đứng tính từ các ô thông tường không được bảo vệ khác nằm ngang bằng hoặc phía dưới nó. Nếu các ô thông gió cho gian lánh nạn có tổng diện tích không nhỏ hơn 50 % diện tích gian lánh nạn thì khoảng cách theo phương đứng được phép giảm xuống đến 1,5 m.

d) Tất cả các trang bị, dụng cụ đặt trong gian lánh nạn phải được làm bằng vật liệu không cháy.

e) Gian lánh nạn phải có lối ra thoát nạn trực tiếp đi vào buồng thang bộ không nhiễm khói và lối ra thoát nạn đi vào khoang đệm của thang máy chữa cháy. Các đường thoát nạn dẫn vào gian lánh nạn phải đi qua một sảnh ngăn khói/sảnh thang máy chữa cháy hoặc một hành lang bên.

f) Gian lánh nạn phải có trang thiết bị chống cháy riêng gồm: hòng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, chiếu sáng sự cố, điện thoại liên lạc với bên ngoài, hệ thống truyền thanh chỉ dẫn thoát nạn...

g) Phía trong buồng thang bộ thoát nạn và trên mặt ngoài của tường buồng thang bộ thoát nạn ở vị trí tầng lánh nạn phải có biển thông báo với nội dung “GIAN LÁNH NẠN/FIRE EMERGENCY HOLDING AREA” đặt ở chiều cao 1 500 mm tính từ mặt nền hoàn thiện của chiếu tới hoặc sàn tầng lánh nạn. Chiều cao chữ trên biển thông báo không được nhỏ hơn 50 mm.

CHÚ THÍCH: Bên cạnh việc trình bày bằng tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung biển thông báo có thể được trình bày thêm bằng các ngôn ngữ khác tùy thuộc đặc điểm người sử dụng phổ biến trong nhà.

h) Cho phép phần diện tích gian lánh nạn không được tính vào chỉ tiêu hệ số sử dụng đất và diện tích sàn xây dựng của công trình.”

31. Sửa đổi “nguy” thành “nguy” trong Điểm f), Điều D.2, Phụ lục D như sau:

“f) Từ các gian phòng sản xuất và kho có số chỗ làm việc ổn định (đối với gian phòng lưu trữ dạng kệ thì không phụ thuộc vào số chỗ làm việc ổn định) hạng nguy hiểm cháy A, B, C trong nhà bậc chịu lửa I đến IV, hoặc hạng nguy hiểm cháy D, E trong nhà bậc chịu lửa IV, V.”

32. Sửa đổi “CHÚ THÍCH” thành “CHÚ THÍCH 1” và bổ sung “CHÚ THÍCH 2: Van ngăn cháy loại thường mở là loại van ngăn cháy sẽ bị đóng lại khi có cháy” vào Điều D.9 như sau:

“CHÚ THÍCH 1: Không yêu cầu giới hạn chịu lửa đối với các đường ống nằm trong kênh hoặc giếng kỹ thuật được bao bọc bởi các bộ phận ngăn cháy có giới hạn chịu lửa tương đương theo quy định.

CHÚ THÍCH 2: Van ngăn cháy loại thường mở là loại van ngăn cháy sẽ bị đóng lại khi có cháy.”

33. Sửa đổi “nhà hỗn hợp, nhà ở cao trên 75 m, nhà chung cư trên 50 m” thành “nhà chung cư có chiều cao PCCC trên 75 m, nhà hỗn hợp và công trình công cộng có chiều cao PCCC trên 50 m” trong Điểm i), Điều D.10, Phụ lục D như sau:

“i) Khoảng đệm ở các buồng thang bộ loại N2 trong các nhà chung cư có chiều cao PCCC trên 75 m, nhà hỗn hợp và công trình công cộng có chiều cao PCCC trên 50 m.”

34. Sửa đổi b, c, d thành a, b, c trong Điều E.3, Phụ lục E như sau:

“a) Khoảng cách PCCC ...

CHÚ THÍCH: Đường ranh giới khu đất của ngôi nhà có thể là đường nằm trùng hoặc song song với một cạnh của ngôi nhà hoặc hợp với một cạnh của ngôi nhà một góc nhỏ hơn 80°.

b) Cho phép tường ngoài của ngôi nhà cách đường ranh giới khu đất của nhà trong phạm vi từ 0 m đến nhỏ hơn 1,0 m; với các điều kiện sau:

- Tường ngoài phải là tường ngăn cháy loại 1 (REI 150) đối với nhà có bậc chịu lửa I và II; và là tường ngăn cháy loại 2 (REI 45) đối với nhà có bậc chịu lửa III và IV.

- Bề mặt ngoài của tường ngoài không được sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy cao hơn các nhóm Ch1 và LT1.

c) Nếu tường ngoài của ngôi nhà cách đường ranh giới khu đất của nhà một khoảng lớn hơn 1,0 m thì cho phép bố trí, cấu tạo một số phần diện tích của bề mặt tường ngoài có tính chịu lửa thấp hơn yêu cầu đối với một tường ngăn cháy và được gọi là phần diện tích không được bảo vệ chống cháy của tường. Diện tích cho phép lớn nhất của phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài được quy định phụ thuộc vào khoảng cách của tường ngoài đó đến đường ranh giới khu đất của nhà, và được quy định tại Bảng E.3.

CHÚ THÍCH: Phần không được bảo vệ chống cháy của tường ngoài thường là các phần sau:

- Các cửa (cửa đi, cửa sổ và các cửa tương tự) không đáp ứng yêu cầu là các cửa ngăn cháy trong tường ngăn cháy.
- Các phần tường có giới hạn chịu lửa thấp hơn giới hạn chịu lửa của tường ngăn cháy tương ứng.
- Các phần tường mà bề mặt ngoài có sử dụng các vật liệu có tính nguy hiểm cháy bằng và cao hơn các nhóm Ch2 và LT2.”

35. Sửa đổi “gian gian” thành “gian” và thay thế dấu “...” thành “và các gian phòng có chức năng tương tự” trong Tên Bảng H.5, Phụ lục H như sau:

“Bảng H.5 - Tầng cao nhất được phép bố trí các gian giảng đường, hội nghị, hội thảo, phòng họp, gian tập thể thao và các gian phòng có chức năng tương tự”

36. Bổ sung dòng kẻ trong cột 5, 6, dòng E của Bảng H.6, Phụ lục H như sau:

“Bảng H.6 (kết thúc)

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
E	Không quy định	I và II	(*)		
	3	III	7 800	6 500	3 500
	1	IV	3 500		
	1	V	2 600		

“